

Bản án số: **101/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 11 - 9 - 2024

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại Minh và ông Lương Văn Cang.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 271/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2024/QĐXX-ST ngày 07/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Hồng N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Khu phố C, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Lê Ngọc S, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu phố C, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Trương Thị Hồng N trình bày: Chị N kết hôn với anh Lê Ngọc S vào năm 2019 tại UBND phường P, thành phố T, hôn nhân tự nguyện, ban đầu sống chung hạnh phúc, có 01 con chung là cháu Lê Hoàng P, sinh ngày 08/12/2023.

Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, vợ chồng chị thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, có nhiều bất đồng trong cuộc sống, anh S không quan tâm, chăm sóc với mẹ con chị. Gia đình phía nội không quan tâm, ngó ngàng gì đến mẹ con chị, còn cho rằng cháu P không phải là con của anh S nên gây áp lực rất lớn cho chị. Mặt khác, sông trọ gần nhà chồng nhưng do mẹ chồng đối xử không tốt, anh S lại nghe

lời mẹ, còn nói chị phải đi xét nghiệm AND xem có phải là con ruột hay không. Anh S không có lập trường bảo vệ mẹ con chị. Chị N không nhận được sự tôn trọng của phía nhà chồng, em chồng còn nhắn tin xúc phạm, nói chị phải chuyển hộ khẩu ra khỏi nhà chồng. Anh S cũng đồng tình yêu cầu chị chuyển hộ khẩu. Chị cảm thấy chồng và gia đình chồng đều không tôn trọng, quan tâm, sẻ chia đối với chị và con. Ngoài ra, anh S còn rất nghiện rượu bia, không lo chăm sóc gia đình, khi nhậu nhẹt thì không làm chủ được bản thân, có những lời nói xúc phạm nặng nề đến chị N. Năm 2023, chị cũng đã nộp đơn ly hôn tại Toà nhưng nghĩ để vợ chồng có cơ hội nên chị rút đơn. Nay, chị không còn tình cảm với bị đơn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Hoàng P, sinh ngày 08/12/2023, đang ở với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi cháu P, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành. Lý do chị yêu cầu mức cấp dưỡng này vì anh S đồng ý mua sữa cho con. Anh S làm thợ hồ, thu nhập mỗi tháng bình quân khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Còn chị thì buôn bán ở chợ L, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Bị đơn anh Lê Ngọc S vắng mặt nên không có trình bày:**

Tại Biên bản xác minh ngày 06/8/2024 tại Công an phường P, thành phố T, Phú Yên xác định anh Lê Ngọc S có đăng ký thường trú tại khu phố C, phường P, thành phố T, Phú Yên. Hiện nay, anh S đang có mặt và sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn S, yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao con chung Lê Hoàng P, sinh ngày 08/12/2023 cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Bị đơn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Trương Thị Hồng N yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Lê Ngọc S có địa chỉ tại khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Bị đơn Lê Ngọc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không rõ lý do tại phiên tòa mở lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Trương Thị Hồng N và bị đơn Lê Ngọc S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 02/5/2019, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn vì bị đơn không tin tưởng ở nguyên đơn, không được sự cảm thông từ bị đơn cũng như gia đình nhà chồng, bị đơn không chăm lo đến gia đình, thường xuyên nhậu say xỉn, không làm chủ bản thân nên thường xuyên có những lời nói xúc phạm đến nguyên đơn. Nay, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, yêu cầu ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa, bị đơn vắng mặt, không đến Tòa trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

[5] Xét hai bên đương sự xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không sống chung, không còn trách nhiệm và tình thương cho nhau, không cùng nhau chăm sóc con chung, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Các bên đã gửi đơn đến Tòa yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng nguyên đơn N rút đơn yêu cầu để vợ chồng đoàn tụ, đến nay vẫn không tìm được tiếng nói chung. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[6] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Lê Hoàng P, sinh ngày 08/12/2023. Hiện nay, cháu P còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, đang ở với nguyên đơn nên hội đồng xét xử xét giao con chung Lê Hoàng P cho nguyên đơn N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn trình bày, bị đơn làm thợ hồ, thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng, hàng tháng chi phí để nuôi con khoảng 5.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn S cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng mỗi tháng nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập của bị đơn. Bị đơn S không có trình bày tại Tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào nhu cầu thực tế của con chung cũng như quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về

hôn nhân và gia đình, chấp nhận bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84, 85, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2, Điều 7 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trương Thị Hồng N được ly hôn với bị đơn Lê Ngọc S

2. *Về con chung*: Giao con chung Lê Hoàng P, sinh ngày 08/12/2023 cho nguyên đơn Trương Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn Lê Ngọc S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) mỗi tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 11/9/2024 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không giải quyết.

4. *Về án phí HNGĐ-ST*: Nguyên đơn Trương Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0002692 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn N đã nộp đủ. Bị đơn Lê Ngọc S phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND P. Phú Thạnh (số 31/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Uyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Trần Đại Minh

Lương Văn Cang

Đặng Thị Ngọc Uyên

